

CÁI BIỂU ĐẠT VÀ CÁI ĐƯỢC BIỂU ĐẠT

Nguyễn Thiện Giáp*

Bài báo phân tích quan niệm của F.de Saussure về cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Trong tiếng Pháp, F.de Saussure gọi cái biểu đạt là 'signifiant', cái được biểu đạt là 'signifié'. Ông quan niệm 'signifiant' là hình ảnh âm thanh, 'signifié' là khái niệm hay ý nghĩa (sense) của đơn vị ngôn ngữ. Tác giả đã phê phán quan niệm đó và làm sáng tỏ hai khái niệm cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ngôn ngữ học, tránh sự đồng nhất cái được biểu đạt với ý nghĩa của đơn vị ngôn ngữ.

Từ khóa: cái biểu đạt, cái được biểu đạt, ý nghĩa, hình thức, sở chỉ, từ ngữ âm.

The article analyzes F. de Saussure's opinion on the signifier and signified. In French, he calls the signifier 'signifiant' and the signified 'signifié', which is a sound-image and a concept or sense of a linguistic unit, respectively. The writer of this article criticizes the opinion and clarifies the signifier and signified in linguistics so as to distinguish the signified with the sense of a linguistic unit.

Keywords: the signifier, the signified, sense, form, referent, phonetic word.

Theo F. de Saussure, tín hiệu ngôn ngữ là sự kết hợp khái niệm với hình ảnh âm thanh. Hình ảnh này không phải là cái âm vật chất, một vật thuần vật lí, mà là dấu vết tâm lí của cái âm đó, là cái biểu tượng mà các giác quan của ta cung cấp cho ta về cái âm đó, nó thuộc cảm quan, và nếu đôi khi ta có gọi nó là “vật chất” thì chỉ với ý nghĩa đó và để đối lập với thành phần kia của sự liên hệ, tức là với khái niệm, thường trừu tượng hơn. Saussure gọi *hình ảnh âm thanh* là *cái biểu đạt* (signifiant) và *khái niệm* là *cái được biểu đạt* (signifié) và *cái được biểu đạt* chính là *ý nghĩa* (signification) của tín hiệu, cả cái biểu đạt và cái được biểu đạt đều có tính chất tâm lí. *Cái biểu đạt* và *cái được biểu*

đạt gắn bó khăng khít với nhau, và đã có cái này là có cái kia.

Quan niệm trên của Saussure về cái biểu đạt và cái được biểu đạt đã bị phê phán về nhiều phương diện.

Trước hết, nếu cả hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ đều có tính chất tâm lí thì ngôn ngữ không thể làm phương tiện giao tiếp được. Chính nhờ mặt vật chất của kí hiệu ngôn ngữ mà việc giao tiếp mới thực hiện được. Cho nên, một số nhà khoa học cho rằng không thể loại bỏ hình thức vật chất ra khỏi thành phần cấu tạo của kí hiệu. Như vậy, cả hình thức vật chất lẫn sự phản ánh hình thức vật chất của kí hiệu trong ý thức đều phải được đưa vào thành phần cấu tạo kí hiệu. Cái biểu đạt là sự thống nhất của hình thức vật chất với sự phản ánh hình thức vật chất của kí hiệu trong ý thức. Họ hình dung bình diện biểu đạt

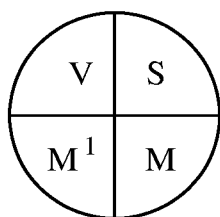
* GS.TS, Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

Email: gs.nguyenthien giap@gmail.com

dưới dạng thể thống nhất của hai bộ phận: bộ phận vật chất, tức là âm thanh và bộ phận tinh thần, tức là hình ảnh âm thanh trong ý thức. Cái được biểu đạt cũng gồm hai bộ phận: ý nghĩa và giá trị. Như ta biết, Saussure là người đầu tiên phân xuất *giá trị* (*valeur, value*) như là một yếu tố đặc biệt có tác dụng phản ánh những bất đồng về nghĩa giữa các ngôn ngữ. Tuy nhiên, Saussure chưa xác định vị trí của giá trị trong cấu trúc của tín hiệu. Câu hỏi đặt ra là giá trị có phải là một cái gì đó nằm ngoài tín hiệu hay không, hay cũng giống như ý nghĩa, nó cũng tham dự vào thành phần cấu tạo của tín hiệu, làm thành một nét không tách rời của tín hiệu. Theo E. Buyssens¹, nếu biểu thị S là ý nghĩa, V là giá trị, M là chất liệu âm thanh và M¹ là hình ảnh âm thanh ở trong ý thức thì có thể trình bày cấu trúc của kí hiệu ngôn ngữ như sau:

Cái được biểu đạt

Cái biểu đạt



Ghi chú: S: ý nghĩa, V: giá trị

M: chất liệu âm thanh

M¹: hình ảnh âm thanh

Chất liệu âm thanh có tác dụng đưa cái biểu đạt vào lời nói và làm cơ sở cho việc giao tiếp. Hình ảnh âm thanh có tác dụng chuyển cái biểu đạt vào phạm vi tinh thần và bảo đảm sự thường tồn trong ý thức của con người. Ý nghĩa của kí hiệu có tác

dụng đưa cái được biểu đạt vào lĩnh vực tư duy; còn giá trị của kí hiệu có tác dụng đưa cái được biểu đạt vào hệ thống ngôn ngữ.

Tóm lại, âm thanh, hình ảnh âm thanh trong ý thức, ý nghĩa và giá trị là những thành tố cần thiết của kí hiệu. Các đơn vị thuộc các cấp bậc khác nhau của ngôn ngữ sẽ khác nhau về các đặc tính kí hiệu học. Mối tương quan giữa ý nghĩa và giá trị trong các đơn vị thuộc các bậc khác nhau sẽ khác nhau.

Ở bậc âm vị học, đơn vị cơ bản là âm vị. Các âm vị không có ý nghĩa (đơn vị một mặt), mà chỉ có giá trị khu biệt nghĩa. Vì thế, nhiều người không cho âm vị là kí hiệu.

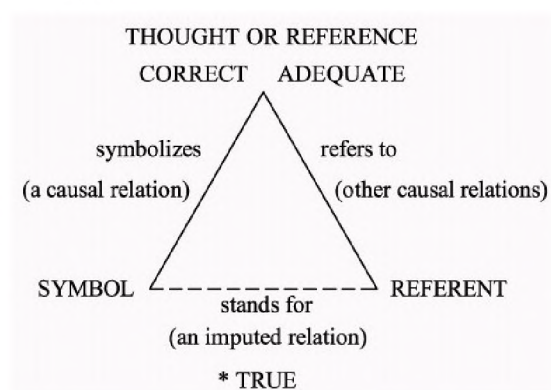
Ở bậc hình thái học, hình vị là đơn vị đầu tiên có hai mặt. Các hình vị vừa có ý nghĩa vừa có giá trị, nhưng ý nghĩa và giá trị không đồng đều như nhau ở hình vị cấu tạo từ và vĩ tố (hình vị cấu tạo hình thái). Ý nghĩa của các chính tố và các phụ tố cấu tạo từ làm cho chúng gần với từ. Ý nghĩa của chính tố tồn tại ở cả một họ từ và chỉ được xác định trong phạm vi của họ từ ấy, nó là cái trừu tượng tối đa đối với các từ riêng biệt. Còn ý nghĩa của từ thì được xác lập theo sự phản ánh các sự vật trong ý thức. Ở các vĩ tố, tức là những hình vị cấu tạo hình thái thì giá trị là chủ yếu so với ý nghĩa, ý nghĩa được bao hàm trong giá trị.

Ở các từ thì giá trị lệ thuộc vào ý nghĩa, ý nghĩa được tạo ra trong quá trình gọi tên. Giá trị của từ rất quan trọng bởi vì nó đưa từ vào hệ thống từ vựng của ngôn ngữ.

¹ Dẫn theo *Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học* (Trúc Thanh dịch), NXB Giáo dục, 1984, trang 171.

Thứ hai, khi Saussure cho rằng hai mặt cái biểu đạt và cái được biểu đạt không tách rời nhau trong tín hiệu ngôn ngữ ông mới chỉ quan tâm đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy chứ chưa quan tâm đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ với các đối tượng và các sự tình trong thế giới. Năm 1923, trong tác phẩm *The meaning of meaning* (Nghĩa của nghĩa), xuất bản ở New York, C.K. Ogden và I.A. Richards đã phát triển sơ đồ hình học gọi là “tam giác nghĩa” sau đây để minh họa cho quan hệ phụ thuộc giữa biểu hiệu, tư duy và sở chỉ; hoặc trong những thuật ngữ phổ biến hơn, tín hiệu, ý nghĩa và đối tượng (của sự quy chiếu):

Hình:



Trong sơ đồ tam giác nghĩa của Ogden và Richards, một đỉnh là *biểu hiệu* (symbol), một đỉnh là *tư duy* (thought) hoặc *quy chiếu* (reference) và một đỉnh là *sở chỉ* (referent). Quan hệ giữa biểu hiệu và tư duy là quan hệ biểu trưng; quan hệ giữa tư duy hay sự quy chiếu với sở chỉ là quan hệ quy chiếu; quan hệ giữa biểu hiệu với sở chỉ là quan hệ thay thế hay gọi tên. Biểu hiệu không có quan hệ trực tiếp với sở chỉ mà quan hệ với sở chỉ thông qua tư duy. Vì thế cạnh nối biểu hiệu với sở chỉ

các ông dùng vạch đứt đoạn chứ không dùng vạch liền. Trong những cải biến khác của tam giác nghĩa, đỉnh “biểu hiệu” (symbol) được John Lyons² thay bằng “hình thức” (form), được Ju. X. Xtepanov³ thay bằng “từ ngữ âm”; đỉnh “tư duy” được John Lyons thay bằng “khái niệm”.

Trên cơ sở của tam giác nghĩa, cái biểu đạt và cái được biểu đạt đã được thuyết giải một cách biện chứng. Khái niệm (ý nghĩa) sẽ là cái được biểu đạt trong mối quan hệ với hình thức (từ ngữ âm). Sở chỉ (referent) sẽ là cái được biểu đạt trong mối quan hệ với hình thức và khái niệm. Hình thức hay từ ngữ âm sẽ là cái biểu đạt của ý nghĩa (khái niệm); “hình thức + khái niệm” sẽ là cái biểu đạt của sở chỉ. Hình thức là mặt vật chất của đơn vị ngôn ngữ, được cấu thành bằng các loại đơn vị ngữ âm thuộc các cấp độ khác nhau có chức năng biểu đạt một khái niệm nhất định. Trong lời nói, cái biểu đạt là dòng âm thanh cụ thể trong từ, nó lại được thể hiện bằng các âm hoặc tổ hợp các âm trong câu, nó là một sơ đồ, mô hình cấu trúc câu. Đơn vị nhỏ nhất của cái biểu đạt trong lời nói là âm tố. Trong mối quan hệ với cái biểu đạt thì ý niệm và sở chỉ là cái được biểu đạt của đơn vị ngôn ngữ. Cái được biểu đạt chính là những sự vật, hiện tượng, quan hệ trong thế giới thực tại, hoặc các khái niệm, biểu tượng được xem

² John Lyons, *Nhập môn ngôn ngữ học lí thuyết*, (Vương Hữu Lễ dịch), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996, trang 635.

³ Ju. X. Xtepanov, *Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương* (Trần Khang, Hoàng Trọng Phiến, Nguyễn Anh Quế dịch), NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, trang 33.

xét với tư cách là mặt bên trong của một đơn vị ngôn ngữ.

Thứ ba, quan niệm về hai mặt cái biểu đạt và cái được biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ của Saussure cũng chưa quan tâm đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ với người sử dụng và ngữ cảnh. Ju. X. Xtepanov viết: “cấu tạo của một từ là một tổ hợp phức tạp các quan hệ. Thứ nhất, từ ngữ âm đóng vai trò là kí hiệu của ý nghĩa. Thứ hai, từ ngữ âm với ý nghĩa của mình lại đóng vai trò là kí hiệu của sự vật. Thứ ba, trong những phát ngôn cụ thể, trong lời nói, toàn bộ tổ hợp (toàn bộ tam giác ngữ nghĩa) còn có thể đóng vai trò là một kí hiệu của một sự vật khác, một sự vật mới” (sách đã dẫn, trang 34). Trong câu thơ:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi

(Hàn Mặc Tử)

Thì *trăng* không còn là *trăng* nữa, mà là một cô gái đang xuân. Ở đây, ta lại thấy cái biểu đạt là gồm cả từ ngữ âm *trăng*, khái niệm *trăng* và bản thân vật thể trăng trên trời, còn *cái được biểu đạt* là một cô gái đang xuân. Đây chính là những trường hợp các nhà nghiên cứu gọi là tín hiệu thẩm mĩ.

Như vậy, các quan hệ có tính chất kí hiệu ở trong từ là có nhiều bậc. Tùy từng mối quan hệ mà cái biểu đạt và cái được biểu đạt được xác định một cách khác nhau.

Những phân tích trên đây giúp chúng ta nhận thức rõ quan niệm về cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ngôn ngữ học hiện nay khác xa với quan niệm về cái biểu đạt và cái được biểu đạt của Saussure. Cái biểu đạt không chỉ là hình ảnh âm thanh như Saussure quan niệm mà cái biểu đạt là sự thống nhất của hình thức vật chất với sự phản ánh hình thức vật chất của kí hiệu trong ý thức. Cái được biểu đạt không chỉ là ý nghĩa của tín hiệu (tức ý niệm mà tín hiệu biểu hiện) mà còn là sở chỉ của nó, tức là sự vật, hiện tượng trong thực tế. Hơn nữa, các quan hệ có tính chất kí hiệu ở trong từ là có nhiều bậc nên tùy từng mối quan hệ mà cái biểu đạt và cái được biểu đạt cũng được xác định một cách khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ferdinand de Saussure, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (Cao Xuân Hạo dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1905.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Các khuynh hướng và trường phái ngôn ngữ học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.
4. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
5. Nguyễn Thiện Giáp, Phân biệt nghĩa và ý nghĩa trong ngôn ngữ học hiện đại, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Nghiên cứu nước ngoài, Tập 30, số 3 (2014).